

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 10 năm 2021

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Míp Niê, ông Bùi Văn Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Tuân, thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021 về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2021 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị Thanh T (Chị T) trình bày:

Chị với anh Nguyễn Văn T là vợ chồng và có 02 con chung. Trong quá trình chung sống, anh chị có quá nhiều mâu thuẫn, thường xuyên đánh đập, chửi bới lẫn nhau dẫn đến tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị và anh T đã sống ly thân, nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các Bản tự khai, cháu Nguyễn Văn N và cháu Nguyễn Thị Như Ng đều trình bày: Sau khi ba mẹ các cháu ly hôn, thì các cháu có nguyện vọng ở với mẹ (Bà Trần Thị Thanh T), không yêu cầu ba (Nguyễn Văn T) cấp dưỡng.

Tại Biên bản xác minh ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Hội phụ nữ xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cung cấp nội dung sau:

Anh T và chị T thường xuyên cãi vã nhau, không hạnh phúc. Nguyên nhân của mâu thuẫn thì Hội không nắm được vì anh T và chị T không đề nghị Hội hòa giải mà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến đã khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Chị T chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Anh T mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T cho chị T ly hôn với anh T. Giao con chung cho chị T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Chị T và anh T là vợ chồng (Có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật). Trong quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung. Hiện nay, anh chị không còn sống chung với nhau. Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

+ Chị T khởi kiện, có nộp tiền tạm ứng án phí. Anh T có nơi cư trú ở thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk căn cứ vào các Điều 35; 39; khoản 3 Điều 195 của BLTTDS để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được. Tòa đã triệu tập hợp lệ nhưng anh T vắng mặt tại phiên tòa lần 2, vì vậy Tòa án căn cứ Điều 227 của BLTTDS tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, thì HĐXX xét thấy:

+ Về quan hệ hôn nhân:

Trong thời kỳ hôn nhân, anh T và chị T phát sinh mâu thuẫn dẫn đến anh chị đã sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với thông tin về tình trạng hôn nhân mà Hội phụ nữ xã E cung cấp nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, cho chị T ly hôn với anh T.

+ Về con chung:

Anh T, chị Thùy có 02 con chung (Cháu Nguyễn Văn N, cháu Nguyễn Thị Như N). Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng và các cháu cũng đồng ý

ở với mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không tham gia và tại phiên tòa, anh T không có mặt nên không biết ý kiến của anh T và không tiến hành hòa giải được. Do đó HĐXX giao hai cháu (Cháu Nguyễn Văn N, cháu Nguyễn Thị Như N) cho chị T chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung:

Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí:

Chị T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51; 65; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Thanh T ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2004 và cháu Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2006 cho chị Trần Thị Thanh T chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho tới tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Anh T có quyền, nghĩa vụ chăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

2. Về án phí:

Chị Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi thành án dân sự huyện K theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/ 0002912 ngày 29 tháng 6 năm 2021.

3. Về quyền và thời hạn kháng cáo:

Chị Trần Thị Thanh T có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

ĐỖ VĂN DŨNG